
ĐỀ CHÍNH THỨC

(Đề gồm có 03 trang)

Họ và tên thí sinh:.....
Số báo danh:.....

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (3.0 ĐIỂM)

Chọn đáp án đúng trong các câu sau:

Câu 1: Trong các số sau, số nào là số tự nhiên?

- A. 2023 B. 0,23 C. $\frac{16}{12}$ D. -2

Câu 2: Viết tập hợp M gồm các số tự nhiên khác 0 và nhỏ hơn hoặc bằng 4?

- A. $M = \{0; 1; 2; 3; 4\}$ B. $M = \{0; 1; 2; 3\}$ C. $M = \{1; 2; 3; 4\}$ D. $M = \{1; 2; 3\}$

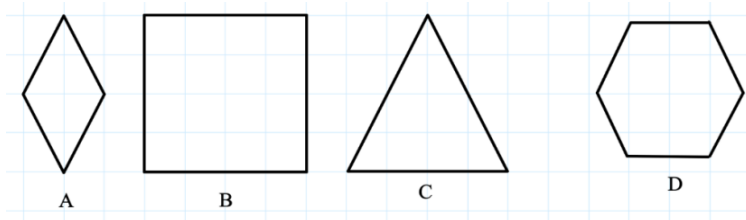
Câu 3: Cho hình vuông ABCD có $AB = 5\text{cm}$. Chu vi của hình vuông ABCD là :

- A. 20 cm B. 15 cm C. 10 cm D. 5 cm

Câu 4: Trong các số sau, số nào là số nguyên tố?

- A. 12 B. 5 C. 9 D. 1.

Câu 5: Trong các hình sau, hình nào là hình lục giác đều?



- A. Hình A B. Hình B C. Hình C D. Hình D

Câu 6: Thứ tự thực hiện phép tính đối với biểu thức không có dấu ngoặc là:

- A. Cộng và trừ → Nhân và chia → Lũy thừa
B. Nhân và chia → Cộng và trừ → Lũy thừa
C. Lũy thừa → Cộng và trừ → Nhân và chia
D. Lũy thừa → Nhân và chia → Cộng và trừ

Câu 7: Một tam giác có đáy bằng 12cm và chiều cao tương ứng bằng 5cm. Diện tích của tam giác đó là:

A. 35cm^2 B. 70cm^2 C. 60cm^2 D. 30cm^2

Câu 8: Số 150 *không phải* là bội của số tự nhiên nào dưới đây?

A. 10

B. 3

C. 20

D. 5

Câu 9: Dữ liệu về loại quả yêu thích của các bạn học sinh khối lớp 6 được cho bởi bảng sau:

Loại quả	Số học sinh yêu thích
Táo	
Chuối	
Dưa hấu	
Cam	
Bưởi	

( = 10 học sinh;  = 5 học sinh)

Em hãy cho biết tổng số học sinh lớp 6 là bao nhiêu?

A. 250

B. 25

C. 30

D. 260

Câu 10: Diện tích hình thoi có độ dài 2 đường chéo lần lượt là 5cm và 8cm là:

A. 40 cm^2 B. 30 cm^2 C. 70 cm^2 D. 20 cm^2

Câu 11: Kết quả kiểm tra môn Toán của học sinh lớp 6A được cho trong bảng sau:

Điểm	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Số học sinh	0	0	4	1	10	8	7	9	5	1

Số học sinh đạt từ 9 điểm trở lên là:

A. 2

B. 4

C. 10

D. 6

Câu 12: Bạn Nam đi nhà sách mua 5 cây bút bi cùng loại và 8 quyển tập cùng loại. Biết giá tiền một quyển tập là 12 000 đồng. Bạn Nam đưa cho chị thu ngân 200 000 đồng và được chị trả lại 74 000 đồng. Hỏi giá tiền của 1 cây bút mà bạn Nam đã mua là bao nhiêu?

A. 4000 đồng.

B. 3000 đồng.

C. 5000 đồng.

D. 6000 đồng.

II. PHẦN TỰ LUẬN (7.0 ĐIỂM)

Câu 1: (2.5 điểm)

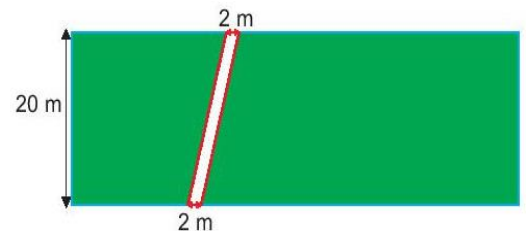
- a) Tính nhanh: $2023.8^2 + 2023.36$
- b) Thực hiện phép tính: $3^2 \cdot 5 - 4^{10} : 4^8 + 1612^0$
- c) Tìm x, biết: $12x - 42 = 78$
- d) Tìm BCNN(30,54)

Câu 2: (1.5 điểm)

Lớp 6A muốn chia 320 cây bút bi, 200 quyển vở và 160 bút chì vào trong các túi quà mang tặng các bạn ở trung tâm trẻ mồ côi sao cho số bút bi, số quyển vở và số bút chì ở mỗi túi đều bằng nhau. Tính số lượng túi quà nhiều nhất mà các bạn lớp 6A có thể chia. Khi đó, số lượng của mỗi loại bút bi, quyển vở và bút chì trong mỗi túi là bao nhiêu?

Câu 3: (1.5 điểm)

Trong một khu vườn hình chữ nhật có chiều dài 50 m và chiều rộng 20 m, người ta làm một lối đi hình bình hành với các kích thước như hình vẽ.



- a) Em hãy tính chu vi và diện tích khu vườn.
- b) Ông Năm muốn lát sỏi cho lối đi. Chi phí cho mỗi mét vuông làm lối đi hết 150 000 đồng. Hỏi chi phí để làm lối đi là bao nhiêu?

Câu 4: (1.5 điểm) Sở thích nuôi thú cưng của các học sinh lớp 6B được cho trong bảng sau:

Em hãy cho biết:

- a) Có bao nhiêu con vật được các học sinh nêu ra?
- b) Lập bảng thống kê về số lượng thú cưng mà các học sinh lớp 6B yêu thích.
- c) Vẽ biểu đồ cột biểu diễn số liệu ở bảng thống kê trên.

-----HẾT-----

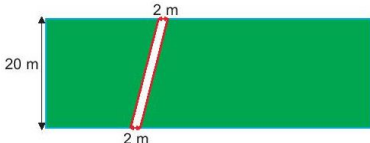
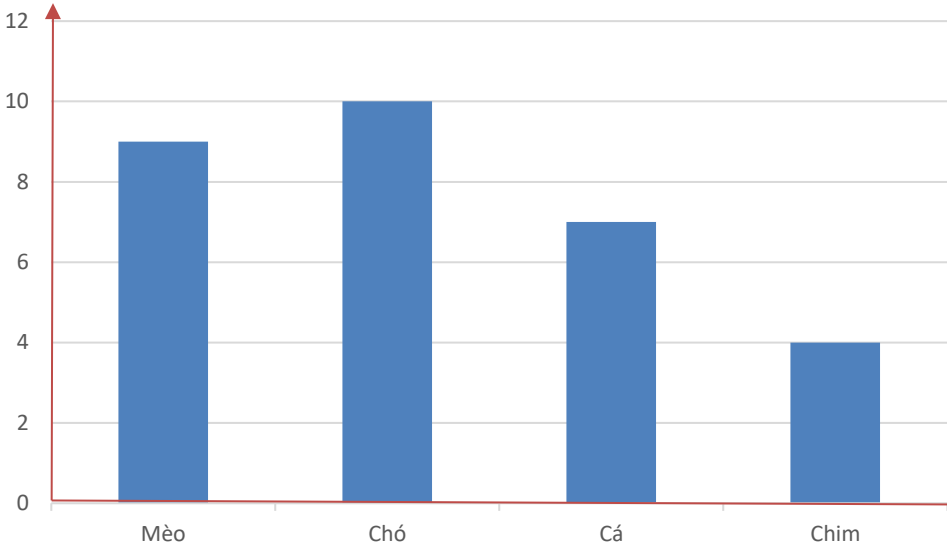
ĐÁP ÁN ĐỀ CHÍNH THỨC

I. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm) Mỗi phương án chọn đúng ghi 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đ/án	A	C	A	B	D	D	D	B	A	D	D	D

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Câu	Lời giải	Điểm
1a	$2023.8^2 + 2023.36 = 2023.(8^2 + 36) = 2023.100 = 202\ 300$	0,5 điểm
1b	$3^2.5 - 4^{10} : 4^8 + 1612^0$ $= 9.5 - 4^2 + 1$ $= 45 - 16 + 1 = 40$	0,5 điểm
1c	$12x - 42 = 78$ $12x = 78 + 42$ $x = 120 : 12$ $x = 10$	0.5 điểm
1d	$BCNN(30,54)$ - Phân tích các số ra thừa số nguyên tố: $30 = 2.3.5$; $54 = 2.3^3$ - Thừa số nguyên tố chung và riêng: 2, 3 và 5 - $BCNN(30,54) = 2.3^3.5 = 270$	0.5 điểm 0.25 điểm 0.25 điểm
2	Số túi quà nhiều nhất lớp 6A có thể chia là ước chung lớn nhất của 320; 200; 160. Ta có: $320 = 2^6.5$; $200 = 2^3.5^2$; $160 = 2^5.5$ $ƯCLN(320,200,160) = 2^3.5 = 40$ Do đó số lượng túi quà nhiều nhất mà các bạn có thể chia được là 40 túi. Khi đó mỗi túi có: Số bút bi là: $320 : 40 = 8$ (bút bi); Số quyển vở là: $200 : 40 = 5$ (quyển vở); Số bút chì là: $160 : 40 = 4$ (bút chì).	0.25 điểm 0.25 điểm 0.25 điểm 0.25 điểm 0.5 điểm

3	a) Chu vi khu vườn: $(20 + 50).2 = 140\text{m}$ Diện tích khu vườn: $20.50 = 1000\text{ m}^2$ b) Diện tích lối đi: $20.2 = 40\text{ m}^2$ Chi phí lát sỏi cho lối đi: $40.150\ 000 = 6\ 000\ 000$ đồng  0.5 điểm 0.5 điểm 0.25 điểm 0.25 điểm											
4a	Có 4 con vật được các học sinh nêu ra: mèo, chó, cá, chim.		0.25 điểm									
4b	<table><tr><th>Tên thú cưng</th><th>Số lượng</th></tr><tr><td>Mèo</td><td>9</td></tr><tr><td>Chó</td><td>10</td></tr><tr><td>Cá</td><td>7</td></tr><tr><td>Chim</td><td>4</td></tr></table> Bảng thống kê về số lượng thú cưng mà các học sinh lớp 6B yêu thích	Tên thú cưng	Số lượng	Mèo	9	Chó	10	Cá	7	Chim	4	0.5 điểm
Tên thú cưng	Số lượng											
Mèo	9											
Chó	10											
Cá	7											
Chim	4											
4c		0.75 điểm										